

**HỢP ĐỒNG KHUNG CHO VAY ĐỔI VỚI KHÁCH HÀNG  
(KHÔNG PHẢI TỔ CHỨC TÍN DỤNG)**

**FRAME AGREEMENT FOR LENDING TO CUSTOMER  
(NOT CREDIT INSTITUTION)**

Số/ No:.....

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..... tại ....., các Bên nhất trí ký kết Hợp Đồng Khung cho vay đổi với khách hàng (sau đây gọi là “Hợp Đồng Khung”) với những điều khoản sau đây:

Today, ..... at ....., Parties agreed to sign this **Frame Agreement For Lending To Customer** (“**Frame Agreement**”), include:

**A. THÔNG TIN BÊN A/ PARTY A'S INFORMATION:**

Tên giao dịch đầy đủ/Full name of Party A: .....

Tên viết tắt/Abbreviation name of Party A: .....

Địa chỉ trụ sở chính/Address: .....

Địa chỉ liên hệ, giao dịch/Contact address: .....

Điện thoại/Tel: ..... Fax: .....

Giấy CNĐKDN/Giấy CNĐKKD số:.....

Enterprise registration certificate/Business registration certificate No. ....

Đăng ký lần đầu ngày/Initial registration dated: ..... cấp bởi/Issued by: .....

Thay đổi lần thứ/Changing registration time: ..... ngày/Date: .....

Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số: Investment license/ Investment registration certificate No:.....

Đăng ký lần đầu ngày/Initial registration dated: ..... cấp bởi/Issued by: .....

Thay đổi lần thứ/Changing registration time: ..... ngày/Date: .....

Mã số thuế/Tax code: .....

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh/Business fields: .....

**Người đại diện theo pháp luật của Bên A:** .....

Legal representative person of Party A: .....

Chức vụ/Position: .....

Ngày sinh/Date of birth: ..... Nơi sinh/Place of birth:.....

Giới tính/Sex: Nam/Male or Nữ/Female: .....

Quốc tịch/Nationality: .....

Địa chỉ thường trú/Permanent address: .....

Địa chỉ liên hệ/Contact address: .....

Điện thoại/ Tel:..... Fax/Email: .....

Tình trạng cư trú/ Resident status:Người cư trú/ Resident/Người không cư trú/ Non-resident: .....

CMND/Hộ chiếu số/ID/Passport number: ..... Ngày cấp/Issued date: .....

Cấp bởi/Issued by: ..... Ngày hết hạn/Expiry date:.....



**Người được ủy quyền:** .....

*Authorised person:* .....

Quốc tịch/*Nationality:* ..... Chức vụ/*Position:* .....

Ngày sinh/*Date of birth:* ..... Nơi sinh/*Place of birth:* .....

Giới tính/*Sex:* Nam/ *Male* /Nữ/*Female:* .....

Địa chỉ thường trú/*Permanent address:* .....

Địa chỉ liên hệ/*Contact address:* .....

Điện thoại/ *Tel:* ..... Fax: .....

Tình trạng cư trú/*Resident status:* Người cư trú/*Resident* /Người không cư trú/*Non-resident:* .....

CMND/Hộ chiếu số/*ID/Passport number:* ..... Ngày cấp/*Issued date:* .....

Cấp bởi/*Issued by:* ..... Ngày hết hạn/*Expiry date:* .....

Giấy ủy quyền số/*Power of Attorney (POA) No:* ..... Ngày/*date:* .....

**B. THÔNG TIN BÊN B/ PARTY B'S INFORMATION:**

Tên giao dịch đầy đủ tiếng Việt: **NGÂN HÀNG CHINA CONSTRUCTION BANK CORPORATION - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Full name of Party B in English:* **CHINA CONSTRUCTION BANK CORPORATION - HO CHI MINH CITY BRANCH**

Tên viết tắt/*Abbreviation name of Party B:* **CCB - HO CHI MINH CITY BRANCH**

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1105-1106, tầng 11, phòng 1202, tầng 12, tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, TPHCM, Việt Nam.

*Address:* Room1105-1106, 11<sup>th</sup> floor, room 1202, 12<sup>th</sup> floor, Sailing Tower, 111A Pasteur street, Ben nghe ward, district 1, Ho Chi Minh city, Vietnam.

Điện thoại/*Tel:* 84-8-38295533

Fax: 84-8-38275533

Giấy phép thành lập & hoạt động ngân hàng số/*Banking Operation & Establishment license No:* 271/GP-NHNN

Giấy CNĐKDN mã số: 0309878015, đăng ký lần đầu ngày 18/3/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 19/8/2016 do Sở Kế Hoạch Đầu Tư TPHCM cấp.

*Business certificate code:* 0309878015, 1<sup>st</sup> registration dated 18/3/2010; 9<sup>th</sup> registration dated 19/8/2016 issued by Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh city.

**Người đại diện theo pháp luật:** ..... Chức vụ: .....

*Legal representative person:* ..... *Position:* .....

Ngày sinh/*Date of birth:* ..... Nơi sinh/*Place of birth:* .....

Giới tính/ *Sex:* Nam/*Male*/Nữ/*Female:* ..... Quốc tịch/*Nationality:* .....

Địa chỉ thường trú/*Permanent address:* .....

Địa chỉ liên hệ/*Contact address:* .....

Điện thoại/*Tel:*..... Fax: .....

Tình trạng cư trú/*Resident status:* Người cư trú/*Resident*/Người không cư trú/*Non-resident:* .....

CMND/Hộ chiếu số/*ID/Passport number:* ..... Ngày cấp/*Issued date:* .....

Cấp bởi/*Issued by:* ..... Ngày hết hạn/*Expiry date:* .....

**Người được ủy quyền (nếu có):** ..... Chức vụ: .....

*Authorised person (if any):* ..... *Position:* .....

|                                                                                                  |                                 |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| Ngày sinh/Date of birth: .....                                                                   | Nơi sinh/Place of birth: .....  |
| Giới tính/Sex: Nam/Male Nữ/Female: .....                                                         | Quốc tịch/Nationality: .....    |
| Địa chỉ thường trú/ Permanent address: .....                                                     |                                 |
| Địa chỉ liên hệ/ Contact address: .....                                                          |                                 |
| Điện thoại/Tel: .....                                                                            | Fax: .....                      |
| Tình trạng cư trú/Resident status: Người cư trú/Resident /Người không cư trú/Non-resident: ..... |                                 |
| CMND/Hộ chiếu số/ID/Passport number: .....                                                       | Ngày cấp/Issued date: .....     |
| Cấp bởi/Issued by: .....                                                                         | Ngày hết hạn/Expiry date: ..... |
| Giấy uỷ quyền số/Power of Attorney (POA) No: .....                                               | Ngày/Date: .....                |

## Điều 1. Mục đích và các định nghĩa trong Hợp Đồng Khung

### Article 1. The purpose and definitions in Frame Agreement

#### 1.1 Mục đích/ Purpose:

Hai Bên ký kết Hợp Đồng Khung này nhằm quy định các vấn đề mang tính nguyên tắc liên quan đến cho vay giữa hai Bên. Hợp Đồng Khung này là một phần không tách rời của Hợp đồng cụ thể/ Thỏa thuận cụ thể trong từng trường hợp./ Two Parties hereby sign this Frame Agreement to regulate the issues of principles relating to the loan between the two Parties. This Frame Agreement is an integral part of the specific contract(s)/ specific agreement(s) in each case.

#### 1.2 Các định nghĩa/ Definitions:

- “Bên”, “các Bên”:** nghĩa là Công ty ..... và/hoặc Ngân hàng China Construction Bank Corporation - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, là Bên A và Bên B./ **“Party, Parties”** means ..... Company and/or China Construction Bank Corporation - Ho Chi Minh city branch, are Party A and Party B.
- “Cho vay”:** là hình thức cấp tín dụng, theo đó Bên B giao hoặc cam kết giao cho Bên A một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi./ **“Lending”** is a form of credit extension whereby Party B provide or pledge to provide Party A an amount of money to be used for specified purposes in a specified period of time as agreed with a principle that both principal and interest must be repaid.
- Khách hàng vay vốn tại Bên B** (sau đây gọi là **“khách hàng”**, hoặc **“Bên A”**): là pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam./ **Borrowers of Party B** (hereinafter referred to as the **“customer”** or **“Party A”**) is a legal entity which has been established and legally operating in Vietnam.
- Phương án sử dụng vốn:** là tập hợp các thông tin về việc sử dụng vốn của khách hàng/ hoặc Bên A, mà khách hàng/Bên A sẽ nộp cho Bên B trước khi thực hiện giải ngân vốn vay, trong đó phải có các thông tin:

+ Tổng nguồn vốn cần sử dụng, chi tiết các loại nguồn vốn trong tổng nguồn vốn cần sử dụng (trong đó có nguồn vốn cần vay tại Bên B); mục đích sử dụng vốn; thời gian sử dụng vốn;

+ Nguồn trả nợ của khách hàng;

+ Phương án, dự án thực hiện hoạt động kinh doanh (trừ nhu cầu vốn phục vụ đời sống).

**Spending plan:** is a collection of all information related to the use of the loan proceeds of customer/ or Party A, which customer/Party A will submit to Party B before disbursement, include the following information:

+ Total fund needed, detailed types of capital of total fund needed (including amounts to be borrowed from Party B); purpose of fund; fund spending time;;

+ Customers' sources of repayment;

+ Business plan or project (except for borrowed fund for living purposes).

- Phương thức cho vay:** là phương thức Bên B thỏa thuận với Bên A việc áp dụng các phương thức

cho vay như sau:

**e. Methods of lending: are methods which Party B and Party A shall agree on application of methods of lending as follows:**

**e.1 Cho vay từng lần:** Mỗi lần cho vay, Bên B và Bên A thực hiện thủ tục cho vay và ký kết thỏa thuận cho vay.

*e.1 Deal by deal: Party B and Party A shall implement lending procedures and sign a loan agreement of each time when a loan is needed.*

**e.2 Cho vay hợp vốn:** Là việc có từ hai tổ chức tín dụng trở lên cùng thực hiện cho vay đối với khách hàng/ Bên A để thực hiện một phương án, dự án vay vốn.

*e.2 Syndicated loan: Two or more credit institutions are jointly offering a loan to a customer/ Party A for the purpose of implementing one fund borrowing plan or project.*

**e.3 Cho vay lưu vụ:** Là việc Bên B thực hiện cho vay đối với Bên A để nuôi trồng, chăm sóc các cây trồng, vật nuôi có tính chất mùa vụ theo chu kỳ sản xuất liên kế trong năm hoặc các cây lưu gốc, cây công nghiệp có thu hoạch hàng năm. Theo đó, Bên B và Bên A thỏa thuận dư nợ gốc của chu kỳ trước tiếp tục được sử dụng cho chu kỳ sản xuất tiếp theo nhưng không vượt quá thời gian của 02 chu kỳ sản xuất liên tiếp.

*e.3 Loans for crop season intervals: Party B shall provide loans to Party A to cultivate or raise seasonal plants or livestock used in the next production cycle within a given year, or plants of which roots are retained and industrial crops which are annually harvested. Accordingly, Party B and Party A shall agree that the outstanding principal balance of the previous cycle shall be used for the next production cycle, but not exceeding the duration of 02 consecutive production cycles.*

**e.4 Cho vay theo hạn mức:** Bên B xác định và thỏa thuận với Bên A một mức dư nợ cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Trong hạn mức cho vay, Bên B thực hiện cho vay từng lần. Một năm ít nhất một lần, Bên B xem xét xác định lại mức dư nợ cho vay tối đa và thời gian duy trì mức dư nợ này.

*e.4 Credit line lending: Party B determines and agrees with Party A on a maximum loan balance to be maintained within a certain time period. Within this line of credit, Party B may provide loan by tranches. At least once a year, the Party B shall consider redefining the maximum loan balance and its duration of maintenance thereof.*

**e.5 Cho vay theo hạn mức cho vay dự phòng:** Bên B cam kết đảm bảo sẵn sàng cho Bên A vay vốn trong phạm vi mức cho vay dự phòng đã thỏa thuận. Bên B và Bên A thỏa thuận thời hạn hiệu lực của hạn mức cho vay dự phòng nhưng không vượt quá 01 (một) năm.

*e.5 Provisional credit line lending: Party B commits to ensure availability of funds to Party A within the agreed provisional credit line. Party B and Party A shall agree on the validity duration of the provisional credit line but not exceeding 01 (one) year.*

**e.6 Cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán:** Bên B chấp thuận cho Bên A chi vượt số tiền có trên tài khoản thanh toán của Bên A một mức thấu chi tối đa để thực hiện dịch vụ thanh toán trên tài khoản thanh toán của Bên A. Mức thấu chi tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian tối đa 01 (một) năm.

*e.6 Overdraft limit on a payment account: Party B allows Party A to spend more than the amount available in its payment account by an overdraft limit to render payment services on payment account of Party A. The overdraft limit is maintained within a maximum period of 01 (one) year.*

**e.7 Cho vay quay vòng:** Bên B và Bên A thỏa thuận áp dụng cho vay đối với nhu cầu vốn có chu kỳ hoạt động kinh doanh không quá 01 (một) tháng, Bên A được sử dụng dư nợ gốc của chu kỳ hoạt động kinh doanh trước cho chu kỳ kinh doanh tiếp theo nhưng thời hạn cho vay không vượt quá 03 (ba) tháng.

*e.7 Revolving loan: Party B and Party A shall agree to apply loans for business cycles of no more than 01 (one) month, whereby Party A can use the outstanding principal balance of the previous business cycle for the next business cycle, but the loan maturity shall not exceed 03 (three) months.*

**e.8 Cho vay tuần hoàn (rollover):** Bên B và Bên A thỏa thuận áp dụng cho vay ngắn hạn đối với Bên A với điều kiện:

**e.8 Rollover loan:** *Party B shall agree to apply short-term loans to Party A on the following conditions:*

- Đến thời hạn trả nợ, Bên A có quyền trả nợ hoặc kéo dài thời hạn trả nợ thêm một khoảng thời gian nhất định đối với một phần hoặc toàn bộ số dư nợ gốc của khoản vay;
- *When loans are due, the Party A has the right to repay or extend the period of repayment of a part or entire principal balance of the loan for another specified time period;*
- Tổng thời hạn vay vốn không vượt quá 12 tháng kể từ ngày giải ngân ban đầu và không vượt quá một chu kỳ hoạt động kinh doanh;
- *Total loan maturity shall not exceed 12 months from the first drawdown date and not exceed one business cycle;*
- Tại thời điểm xem xét cho vay, Bên A không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng khác và/hoặc tại Bên B;
- *At the time of loan appraisal, Party A must have no bad debts at other credit institutions and/ or at Party B;*
- Trong quá trình cho vay tuần hoàn, nếu Bên A có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng khác và tại Bên B thì không được thực hiện kéo dài thời hạn trả nợ theo thỏa thuận.
- *Throughout the rollover loan's duration, if Party A incurs bad debts at any other credit institutions and at Party B, it shall not be eligible for payment rescheduling.*

**e.9 Các phương thức cho vay khác:** được kết hợp các phương thức cho vay quy định tại khoản e.1, e.2, e.3, e.4, e.5, e.6, e.7 và khoản e.8 Điều này, phù hợp với điều kiện hoạt động kinh doanh của Bên B và đặc điểm của khoản vay.

**e.9 Other lending methods:** *may be combined with the methods specified in Clauses e.1, e.2, e.3, e.4, e.5, e.6, e.7 and e.8 of this Article, in line with the conditions of the Party B and the characteristics of the loan.*

**f. Hợp đồng cụ thể:** là (các) hợp đồng, phụ lục hợp đồng đi kèm với Hợp Đồng Khung này./ *Specific contract(s): are the contract(s), appendix(es) come with this Frame Agreement.*

**Điều 2. Số tiền cho vay: bằng số: .....; bằng chữ:.....**

**Article 2. Loan amount: in figure: .....; in words: .....**

**Hạn mức cho vay/ Credit limit:**

- a) hạn mức cho vay đối với trường hợp cho vay theo hạn mức (nếu có)/ *Credit limit for a line of credit loan (if applicable): bằng số/ in figure: .....; bằng chữ/ in words: .....*
- b) hạn mức cho vay dự phòng đối với trường hợp cho vay theo hạn mức cho vay dự phòng (nếu có)/ *provisional credit limit for a provisional line of credit loan (if applicable): bằng số/ in figure: .....; bằng chữ/ in words: .....*
- c) hạn mức thấu chi đối với trường hợp cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán (nếu có)/ *overdraft limit for cases where loans are provided via overdraft limit on a payment account (if applicable): bằng số/ in figure: .....; bằng chữ/ in words: .....*

**Điều 3. Mục đích sử dụng vốn vay/ Article 3.Purposes of loans: .....**

**Điều 4. Đồng tiền cho vay và trả nợ/ Article 4.Currency of loan and repayment: .....**

**Điều 5. Phương thức cho vay/ Article 5. Method of lending (Please fill it based on the definition in above Article 1 (1.2e) ) : .....**

**Điều 6. Thời hạn cho vay/ Article 6. Loan period:**

Từ ngày (from date) ..... đến ngày (to date) .....

- a) Thời hạn duy trì hạn mức đối với trường hợp cho vay theo hạn mức (nếu có)/ *Period to maintain the loan limit for a line of credit loan (if applicable): từ ngày (from date)..... đến ngày (to date).....*
- b) Thời hạn hiệu lực của hạn mức cho vay dự phòng đối với trường hợp cho vay theo hạn mức cho vay dự phòng (nếu có)/ *Effective period of provisional credit limit for a provisional line of credit loan (if applicable): từ ngày (from date)..... đến ngày (to date).....*

- c) Thời hạn duy trì hạn mức thấu chi đối với trường hợp cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán (nếu có)/ *Period to maintain the overdraft limit for cases where loans are provided via overdraft limit on a payment account (if applicable):* từ ngày (from date)..... đến ngày (to date).....

**Điều 7. Các nội dung liên quan đến lãi suất cho vay và các loại phí liên quan:** theo quy định thỏa thuận trong Hợp đồng cụ thể, đơn xin giải ngân đi kèm với Hợp Đồng Khung này.

*Article 7. Contents related to loan interest rate and related fees: according to the provisions in Specific contract and Application for drawdown attached to this Frame Agreement.*

**Điều 8. Giải ngân vốn cho vay và việc sử dụng phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay/**  
*Article 8. Disbursement of the loan and use of payment methods for disbursement of the loan:*

Việc sử dụng các phương tiện thanh toán để giải ngân vốn cho vay theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong từng trường hợp.

*Use of payment methods for loan disbursement is in accordance with SBV's regulations in each case.*

**Điều 9. Việc trả nợ gốc, lãi tiền vay và thứ tự thu hồi nợ gốc, lãi tiền vay; trả nợ trước hạn:**

*Article 9. The repayment of principal and interest and order for collection of principal and interest; prepayment :*

9.1 Thực hiện theo quy định thỏa thuận trong các Hợp đồng cụ thể, đơn xin giải ngân đi kèm với Hợp Đồng Khung này.

*9.1 According to the provisions in Specific contract/ Specific agreement/ Application for drawdown attached to this Frame Agreement.*

9.2 Ngoài ra, khi đến hạn thanh toán mà Bên A không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì Bên A phải trả lãi tiền vay như sau:

- a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả;
- b) Trường hợp Bên A không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do Bên B và Bên A thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;
- c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì Bên A phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

*9.2 Besides, if Party A fails to repay or fully repay the agreed amount of loan principal and/or loan interest on the payment due date, Party A is liable for paying an interest as follows:*

- a) The amount of interest on principal is charged at the agreed interest rate in proportion to the period during which repayment of that principal due has not been made;*
- b) In case Party A fails to pay interest on time as stipulated in Point a of this Clause, it is liable for a late payment interest charged at the interest rate as agreed between Party B and Party A, but not exceeding 10%/year, on the deferred balance for the deferred period;*
- c) In cases where loans have become overdue debts, Party A is liable for an interest on overdue principal balance in proportion to the period of late payment for which the interest rate charged is not allowed to exceed 150% of the interest rate charged on due repayment at the time of such debts becoming overdue.*

**Điều 10. Cơ cấu lại thời hạn trả nợ**

*Article 10. Payment rescheduling*

Bên B sẽ xem xét quyết định việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ trên cơ sở đề nghị của Bên A, khả năng tài chính của Bên B và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của Bên A, như sau:

*Party B shall consider rescheduling payment period upon the request of Party A, in consideration of its Party B's financial capacity and evaluation of Party A's repayment ability, specifically as follows:*

10.1. Bên A không có khả năng trả nợ đúng kỳ hạn nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay và được Bên B đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo kỳ hạn trả nợ được điều chỉnh, thì Bên B xem xét điều chỉnh kỳ hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đó phù hợp với nguồn trả nợ của Bên A; thời hạn cho vay không thay đổi.

10.1 Party A is incapable of making due repayment of loan principal and/or interest, and is rated by Party B as having capacity for fully repaying loan principal and/or interest within the adjusted repayment period, Party B shall consider adjusting the period of repayment of that principal and/or interest as appropriate to Party A's source of financing for debt repayment without prejudice to the loan term.

10.2. Bên A không có khả năng trả hết nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay đúng thời hạn cho vay đã thỏa thuận và được Bên B đánh giá là có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay trong một khoảng thời gian nhất định sau thời hạn cho vay, thì Bên B xem xét cho gia hạn nợ với thời hạn phù hợp với nguồn trả nợ của Bên A.

10.2 Party A is incapable of paying off loan principal and/or interest in full within the agreed loan term, and is rated by Party B as having capacity for fully repaying loan principal and/or interest within a specified period of time following the loan term, Party B shall consider extending the period of debt repayment as appropriate to Party A's source of financing for such debt repayment.

10.3. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ được thực hiện trước hoặc trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày đến kỳ hạn, thời hạn trả nợ đã thỏa thuận.

10.3 Payment rescheduling is performed prior to or within 10 (ten) days from the agreed date on which debt repayment is due.

10.4 Các trường hợp khác theo quy định của Bên B (nếu có).

10.4 Other cases are in accordance with Party B's regulations (if any).

#### **Điều 11. Nợ quá hạn/ Article 11. Overdue loans**

Bên B sẽ chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Bên A không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được Bên B chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ; thông báo cho Bên A về việc chuyển nợ quá hạn. Đối với khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì Bên A phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Nội dung thông báo sẽ bao gồm số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn trong từng trường hợp vay cụ thể.

Party B shall transfer outstanding principal balance (for which repayment is not made by Party A on time as agreed and rescheduling is not accepted by Party B) to overdue loans and notify Party A of such transfer. In cases where loans are transferred to overdue debts, Party A is liable for an interest on overdue principal balance in proportion to the period of late payment for which the interest rate charged is not allowed to exceed 150% of the interest rate charged on due repayment at the time of such debts becoming overdue. Notification includes the amount of overdue principal, time of transfer and interest rate applicable to such overdue principal in each specific case.

#### **Điều 12. Trách nhiệm của Bên A/ Article 12. Responsibility of Party A**

12.1 Bên A có trách nhiệm phối hợp, cung cấp các tài liệu liên quan đến khoản vay trong việc Bên B thực hiện thẩm định và quyết định cho vay, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên A.

12.1 Party A has the responsibility to coordinate and provide documents related to the loans for Party B to evaluate and decide loans, check, monitor the use of loans and repayment capacity of the Party A.

12.2 Ngoài ra, các trách nhiệm khác được quy định trong từng Hợp đồng cụ thể đi kèm với Hợp Đồng Khung này.

12.2 Besides, the other responsibilities of Party A are specified in each Specific contract attached to this Frame Agreement.

#### **Điều 13. Các trường hợp chấm dứt cho vay; thu nợ trước hạn; chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà Bên A không trả được nợ trước hạn khi Bên B chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn; hình thức và nội dung thông báo chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn**

Article 13. Termination of the loan; early debt collection of the loan; transfer of outstanding principal balance to overdue loans which Party A fails to repay prior to the payment due date upon early termination or early debt collection of Party B; the form and contents of the notice of early termination of the loan, early debt collection

13.1 Bên B có quyền chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo nội dung đã thỏa thuận khi phát hiện

Bên A cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm quy định trong Hợp đồng cụ thể đi kèm với Hợp Đồng Khung này và/hoặc các hợp đồng bảo đảm tiền vay (như hợp đồng cầm cố tiền ký quỹ bảo đảm, hợp đồng thế chấp, hợp đồng bảo lãnh...). Khi thực hiện chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn theo thỏa thuận trong thỏa thuận cho vay, Bên B thông báo cho Bên A về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn. Nội dung thông báo sẽ bao gồm thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn.

13.1 *Party B shall be entitled to early termination or collection of the loan prior to the due date as agreed upon detecting Party A's provision of false information or violation of the Specific contract attached to this Frame Agreement and/or Security contracts (such as Pledge Over Security Deposit contract, mortgage contract, guarantee contract...). Upon terminating a loan, collecting debt prior to the due date as agreed in loan agreements, Party B will give advance notice to Party A of early termination or early collection of the loan. The notice must include time of termination, early collection, the outstanding principal balance to be collected prior to the due date; deadline to repay the outstanding principal balance to be collected prior to the due date, time of transferring to overdue loans and interest rate applied to the outstanding principal balance to be collected prior to the due date.*

13.2. Trường hợp Bên A không trả được nợ đến hạn, thì Bên B có quyền áp dụng các biện pháp thu hồi nợ theo Hợp đồng cụ thể đi kèm với Hợp Đồng Khung này và/hoặc các hợp đồng bảo đảm tiền vay (như hợp đồng cầm cố tiền ký quỹ bảo đảm, hợp đồng thế chấp, hợp đồng bảo lãnh...) và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp thu hồi nợ nhưng vẫn không đủ để hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Bên B, thì Bên A có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ nợ gốc và lãi tiền vay cho Bên B.

13.2 *In case Party A fails to repay the debts when due, Party B has the right to apply collection measures as stated in the Specific contract attached to this Frame Agreement and/or Security contracts (such as Pledge Over Security Deposit contract, mortgage contract, guarantee contract...) and related laws. After applying the collection measures, if the amount collected is still not enough to fulfill repayment obligations to Party B, Party A is responsible for continuing to pay off the loan principal and interest in full to Party B.*

13.3. Trường hợp Bên A hoặc bên bảo đảm bị tòa án quyết định mở thủ tục phá sản hoặc tuyên bố phá sản, thì việc thu hồi nợ của Bên B đối với Bên A, bên bảo đảm được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

13.3 *If Party A or the guarantors have to conform the court's decision to open the bankruptcy proceedings or declaration of bankruptcy, the Party B's loan collection to Party A, the guarantors shall comply with the laws on bankruptcy.*

13.4. Bên B có quyền quyết định miễn, giảm lãi tiền vay, phí cho Bên A theo quy định nội bộ của Bên B.

13.4 *Party B has the right to decide to offer waiver of, reduction in interest/fee for Party A according to Party B's internal regulations.*

#### **Điều 14: Xử lý nợ vay/ Article 14. Debt treatment**

14.1 Trường hợp Bên A không có khả năng trả nợ đúng hạn một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay, Bên B có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) xem xét chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ hoặc chuyển nợ quá hạn theo quy định tại Điều 10 và Điều 11. Bên B và Bên A sẽ thỏa thuận việc tính tiền lãi phải trả phù hợp với quy định tại Điều 9 nêu trên.

14.1 *If Party A is unable to pay, in part or in full, its debts on time, Party B has the right (but not obligation) to consider rescheduling payment period or transferring to overdue loans in line with the above Article 10 and Article 11. Party B and Party A shall agree on the calculation of interest in line with above Article 9.*

14.2 Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, Bên B sẽ thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau.

14.2 *For overdue loans, Party B shall collect principal first, and then interest.*

14.3 Các quy định khác có liên quan được nêu trong từng Hợp đồng cụ thể đi kèm với Hợp Đồng Khung này.

14.3 *The other related provisions are specified in each Specific contract attached to this Frame Agreement.*

#### **Điều 15. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại**

Bên A thực hiện theo các quy định có liên quan về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại được nêu trong từng Hợp đồng cụ thể đi kèm với Hợp Đồng Khung này.

**Article 15. Fines and compensation for damages**

*Party A performs according to the relevant regulations on fines and compensations for damages mentioned in each Specific contract attached to this Frame Agreement.*

**Điều 16. Kiểm tra sử dụng tiền vay/Article 16. Verify the use of loan**

16.1. Bên A có trách nhiệm sử dụng vốn vay và trả nợ theo nội dung thỏa thuận; báo cáo và cung cấp tài liệu chứng minh việc sử dụng vốn vay theo yêu cầu của Bên B.

*16.1 Party A is responsible for using and repaying the loan in accordance with the loan agreement; reporting and providing documents proving the use of loan at the request of Party B.*

16.2. Bên B có quyền thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, trả nợ của khách hàng theo quy trình nội bộ của Bên B.

*16.2 Party B has the right to inspect and supervise the use of loans, repayment of customers according to internal procedures of Party B.*

**Điều 17. Quyền và nghĩa vụ/ trách nhiệm của các Bên/ Article 17. The rights and obligations/ responsibilities of Parties**

Bên A và Bên B thực hiện theo các điều có liên quan đến quyền và nghĩa vụ/ trách nhiệm của các Bên được nêu trong Hợp Đồng Khung này và trong từng Hợp đồng cụ thể đi kèm với Hợp Đồng Khung này.

*Party A and Party B implement according to the Articles related to the rights and obligations/responsibilities of each Party as mentioned in this Frame Agreement and in each Specific contract attached to this Frame Agreement.*

**Điều 18. Thỏa thuận khác/ Article 18. The other agreements**

18.1 Các Bên có trách nhiệm thực hiện đúng các điều khoản đã quy định trong Hợp Đồng Khung này và Phụ lục Hợp đồng (nếu có) được ký kết giữa các Bên.

*18.1 Parties has responsibilities to implement the provisions mentioned in this Frame Agreement and Appendix(es) (if any) signed between Parties.*

18.2 Việc sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng Khung này và các Phụ lục đính kèm Hợp Đồng Khung chỉ có giá trị khi có sự thỏa thuận bằng văn bản giữa hai Bên. Phụ lục hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng Khung này là một phần không tách rời Hợp Đồng Khung này.

*18.2 Any amendment or supplement to this Frame Agreement and the Appendix(es) attached to this Frame Agreement is only valid when there is a written agreement between the two Parties. Appendix(es) to contracts, written amendment, supplement to this Frame Agreement is an integral part of this Frame Agreement.*

18.3 Hợp Đồng Khung này chấm dứt theo một trong các trường hợp sau:

*18.3 This Frame Agreement will be terminated in one of following cases:*

a. Theo thỏa thuận của các Bên với điều kiện là các Bên đã tất toán toàn bộ nghĩa vụ đối với nhau theo từng Hợp đồng cụ thể, Hợp Đồng Khung này và các hợp đồng, phụ lục hợp đồng khác có liên quan./ *According to the agreement of the Parties, provided that the Parties have finally settled all obligations towards each other in each Specific contract, this Frame Agreement and the other related contracts, the appendix(es).*

b. Một trong hai Bên chấm dứt hoạt động, giải thể hoặc phá sản hoặc theo yêu cầu của pháp luật, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền./ *One of the two Parties terminates the operation, dissolves or goes bankrupt or as required by law, competent State authorities.*

c. Một trong hai Bên đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Khung này sau khi đã thông báo, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và các thủ tục đối với nhau theo quy định của Bên B/ *One of the two Parties unilaterally terminates this Frame Agreement after notification, the full implementation of obligations and procedures prescribed by Party B.*

18.4 Sau khi Hợp Đồng Khung này chấm dứt theo Khoản 18.3 nêu trên, các quy định của Hợp Đồng Khung này vẫn còn hiệu lực và được áp dụng đối với các giao dịch, các quyền và nghĩa vụ của các Bên phát sinh theo Hợp Đồng Khung này và Hợp đồng cụ thể trước khi Hợp Đồng Khung và Hợp

đồng cụ thể chấm dứt (bao gồm việc trả nợ theo các Xác nhận giao dịch cụ thể, v.v.).

- 18.4 Upon termination of this Frame Agreement in accordance with above Article 18.3, the provisions of this Frame Agreement are still in force and are applicable to the transactions, the rights and obligations of the Parties arising under this Frame Agreement and Specific contract before the Frame Agreement and Specific contract(s)'s termination (including the repayment in accordance with the specific transaction confirmation, etc.).
- 18.5 Bên A đồng ý rằng các quy định trong Hợp Đồng Khung này và/hoặc các quy định khác có liên quan có thể được sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Bên B tại từng thời điểm./ *Party A hereby agrees that the provisions in this Frame Agreement and/or other related regulations may be amended and supplemented at the request of the competent authorities, the provisions of law and internal regulations of Party B from time to time.*
- 18.6 Trong quá trình thực hiện Hợp Đồng Khung này, nếu có phát sinh tranh chấp hai Bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Nếu không thể thương lượng, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại nơi Bên B có trụ sở./ *In the process of implementing this Frame Agreement, if any dispute arises, both Parties will resolve through negotiations. If not negotiable, the dispute shall be settled at the competent People's Court where the office of Party B is located.*
- 18.7 Bên A xác nhận rằng Bên B đã cung cấp đầy đủ thông tin về Hợp Đồng Khung này và các điều kiện giao dịch chung cho Bên A trước khi ký kết Hợp Đồng Khung này và Bên A xác nhận đã đọc, hiểu rõ, chấp nhận và đồng ý tuân thủ nội dung tất cả các nội dung được đề cập trong Hợp Đồng Khung này và các Phụ lục Hợp đồng hoặc các sửa đổi, bổ sung (nếu có). Phụ lục Hợp đồng và/hoặc các sửa đổi bổ sung là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng Khung này, và có thể được sửa đổi theo từng thời điểm. Các Bên có trách nhiệm tuân theo các sửa đổi và bổ sung đó. Tất cả các thay đổi, sửa đổi, bổ sung này được xem như Bên A và Bên B đã đồng ý./ *Party A hereby confirmed that Party B has provided sufficient information about this Frame Agreement and general transaction conditions to Party A prior to signing this Frame Agreement and Party A confirmed that it have read, understood, accepted and agreed to comply with all contents as mentioned in this Frame Agreement and the Appendix(es) or the amendments and supplements to agreement (if any). The Appendix(es) and/or the amendments and supplements to agreement are the inseparable part of this Frame Agreement, and may be amended from time to time. The Parties shall comply with such amendments and supplements. All changes, amendments and supplements are considered as Party A and Party B agreed.*
- 18.8 Hợp Đồng Khung này có hiệu lực kể từ ngày các Bên ký kết, cho đến khi Hợp Đồng Khung này được chấm dứt theo một trong các trường hợp quy định tại Điều 18.3 nêu trên hoặc theo quy định của pháp luật./ *This Frame Agreement takes effect from the date of signing by Parties until the Frame Agreement has been terminated in one of the cases provided for in Article 18.3 above, or as prescribed by law.*
- 18.9 Hợp Đồng Khung này được lập thành bốn (04) bản gốc song ngữ Việt - Anh có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ hai (02) bản.

*This Frame Agreement is made in 04 (four) originals in the bilingual Vietnamese - English language, have the same legal value. Each Party keeps 02 (two) originals.*

- 18.10 Hợp Đồng Khung này là một phần không tách rời, hoặc được gộp chung vào (các) Hợp đồng cụ thể  
*This Frame Agreement is an integral part or combined with /of related Specific contract (s).*

**ĐẠI DIỆN BÊN A/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

**LEGAL REPRESENTATIVE OF PARTY A/  
AUTHORIZED PERSON**

*(Ký & ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

*(Sign, full name and stamp)*

**ĐẠI DIỆN BÊN B/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

**LEGAL REPRESENTATIVE OF PARTY B/  
AUTHORIZED PERSON**

*(Ký & ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

*(Sign, full name and stamp)*

